

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày: 22/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự về nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành
2. Ông Hồ Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bé N**, sinh năm 1970

Địa chỉ: **Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1973, bà **Tống Thị Út L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: **Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

3. *Người làm chứng:* Bà **Trần Thị N1.**

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà **Trần Thị B** năm trình bày:* Năm 2019, bà có mở các dây hụi và vợ chồng ông **Nguyễn Văn X** và bà **Tống Thị Út L** tham gia, cụ thể như sau:

1. Dây hụi thứ nhất mở ngày 25/5/2019 (âm lịch) với giá là 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần. Dây hụi này có 32 phần, ông **X** và bà **L** tham gia 01 phần và đóng được 20 lần hụi sống, đến lần khai hụi thứ 21 thì ông **X** và bà **L** hốt và đóng

7 lần hụi chết thì không tiếp tục đóng các phần hụi chết cho bà. Số tiền ông X và bà L còn nợ hụi là 4.000.000 đồng.

2. Dây hụi thứ hai mở ngày 01/4/2020 (âm lịch) với giá là 500.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần. Dây hụi này có 27 phần, ông X và bà L tham gia 01 phần và đóng được 10 lần số tiền hụi sống, đến lần khai hụi thứ 11 thì ông X và bà L hốt và đóng 12 lần hụi chết thì không tiếp tục đóng các phần hụi chết cho bà. Số tiền ông X và bà L còn nợ hụi là 2.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi ông X và bà L còn phải trả cho bà là 6.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải hôm ngày 04/8/2023, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 1.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông X và bà L trả số tiền nợ hụi còn lại là 5.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông thống nhất theo ý kiến của bà N về số ngày mở hụi, số dây hụi và số tiền còn nợ hụi là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông đã trả cho bà N 5.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 1.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả cho bà N 5.000.000 đồng, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Tống Thị Út L trình bày: Bà thống nhất với ý kiến ông X.

Tại phiên Tòa: Bà Trần Thị Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu như biên bản hòa giải 04/8/2023, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L trả số tiền 5.000.000 đồng. Bà N cho rằng nếu ông X, bà L trả tiền cho bà rồi thì đưa ra chứng cứ chứng minh. Bà N trình bày thêm bà có nợ tiền bà Trần Thị N1 và bà có thỏa thuận với ông X, bà L yêu cầu họ trả số tiền 6.000.000 đồng cho bà N1 để trừ nợ cho bà. Tuy nhiên, ông X, bà L chỉ trả bà N1 1.000.000 đồng rồi không trả nữa nên bà mới khởi kiện ông X, bà L để thu hồi nợ sau đó sẽ trả tiếp cho bà N1.

Tại phiên tòa: Bà Tống Thị Út L, ông Nguyễn Văn X vẫn giữ nguyên ý kiến như biên bản hòa giải ngày 04/8/2023. Do bà N yêu cầu ông bà trả số tiền 6.000.000 đồng cho bà Trần Thị N1 nên ông bà đã trả cho bà Trần Thị N1 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại, ông bà trả cho bà N, trả tổng cộng 04 lần, 02 lần đầu mỗi lần trả 1.500.000 đồng là 3.000.000 đồng, trả 02 lần sau mỗi lần 500.000 đồng là 1.000.000 đồng. Tổng cộng ông bà trả cho bà N số tiền 5.000.000 đồng. Do quen biết và tin tưởng nên khi trả tiền bà N, ông bà không có giấy tờ và không ai chứng kiến.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị N1 trình bày: Bà có nhận 1.000.000 đồng từ ông X, bà L do bà N yêu cầu ông X, bà N trả cho bà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 5.000.000 đồng cho nguyên đơn. Về án phí dân sự bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2023 nguyên đơn bà **Trần Thị Bé N** yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Văn X**, bà **Tống Thị Út L** phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 6.000.000 đồng. Tại ngày hòa giải 04/8/2023, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 5.000.000 đồng. Phía bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ hụi” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện C, tỉnh Hậu Giang** nên theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà **Trần Thị Bé N** và ông **Nguyễn Văn X**, bà **Tống Thị Út L** có thỏa thuận hợp đồng góp hụi, nội dung thỏa thuận bà **N** làm chủ hụi có trách nhiệm thu các phần hụi do hụi viên đóng và giao các phần hụi đó cho hụi viên được hốt cho tới khi kết thúc hụi. Kỳ khai hụi mỗi tháng khai 01 lần, người nào kêu thăm cao sẽ được hốt. Nay bà **N** cho rằng các dây hụi ông **X**, bà **L** tham gia đã hốt hụi chết nhưng không đóng tiếp hụi chết cho bà. Bà **N** đã nhiều lần yêu cầu ông **X**, bà **L** đóng tiếp số tiền hụi chết nhưng ông **X**, bà **L** không đồng ý nên nay bà khởi kiện yêu cầu ông **X**, bà **L** trả lại số tiền nợ hụi là 5.000.000 đồng.

Ông **Nguyễn Văn X**, bà **Tống Thị Út L** cho rằng: Ông và bà còn nợ hụi bà **N** tổng cộng là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông, bà cho rằng đã trả xong cho bà **N** 5.000.000 đồng, nay còn nợ bà **N** 1.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho bà **N** 1.000.000 đồng.

Như vậy, hai bên nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền còn nợ là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất số tiền đã trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **X**, bà **L** cho rằng đã trả xong số tiền là 5.000.000 đồng cho bà **N**. Tuy nhiên, ông **X**, bà **L** không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cũng như không có ai chứng kiến việc trả nợ đó.

Mặt khác, phía bà N không thừa nhận việc trả nợ của ông X, bà L. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP Nghị định về hộ, hội, biểu, phường ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé N đối với ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L.

1. Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Bé N số tiền nợ hội 5.000.000đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị Bé N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X, bà Tống Thị Út L phải chịu án phí là 300.000 đồng. Bà Trần Thị Bé N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002209 ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á